

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ TÀI CHÍNH

HỌC VIỆN TÀI CHÍNH



VŨ THỊ TÂM THU

**CƠ CẤU THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO HƯỚNG
THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC BỀN VỮNG Ở VIỆT NAM**

Chuyên ngành : TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG

Mã số : 9.34.02.01

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ KINH TẾ

HÀ NỘI - 2022

Công trình được hoàn thành tại: **Học viện Tài chính**

Người hướng dẫn khoa học:

1. **PGS,TS. VƯƠNG THỊ THU HIỀN**
2. **TS. NGUYỄN CẢNH HIỆP**

Phản biện 1:.....

.....

Phản biện 2:.....

.....

Phản biện 3:.....

.....

Luận án sẽ được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận án cấp Học viện, họp tại Học viện
Tài chính

Vào hồi giờ ngày tháng năm 20.....

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- Thư viện Quốc gia
- Thư viện Học viện Tài chính

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu

Cơ cấu thu ngân sách nhà nước (NSNN) là yếu tố quan trọng quyết định sự bền vững, an toàn của nền tài chính quốc gia. Điều chỉnh cơ cấu thu ngân sách nhằm duy trì nguồn thu bền vững có tác động không nhỏ trong việc giữ gìn an toàn vĩ mô của nền kinh tế trước những cú sốc trong và ngoài nước. Sự ổn định, hợp lý của cơ cấu thu ngân sách vừa phản ánh sự ổn định và phát triển của thu NSNN, vừa là yếu tố tác động đến sự ổn định kinh tế xã hội. Bởi vậy, cơ cấu thu NSNN theo hướng thu NSNN bền vững là vấn đề lý luận quan trọng luôn cần được nghiên cứu hoàn thiện cùng với quá trình phát triển kinh tế xã hội của mỗi quốc gia.

Tại Việt Nam, Nghị quyết số 07-NQ/TW ngày 18/11/2016 của Bộ Chính trị đã nêu rõ mục tiêu của điều hành ngân sách nhà nước là: “Cơ cấu lại NSNN và quản lý nợ công theo hướng bảo đảm nền tài chính quốc gia an toàn, bền vững, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô; tăng cường huy động, quản lý, phân bổ và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực tài chính, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện tốt các nhiệm vụ phát triển văn hóa, con người, bảo đảm an sinh xã hội, tăng cường phúc lợi xã hội, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo đảm quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế, góp phần nâng cao vị thế và uy tín của nước ta trong khu vực và trên thế giới.”

Để có thể ổn định tài khóa, điều quan trọng trước hết là phải có thu ngân sách bền vững, dựa vào một cơ cấu thu mà ở đó nguồn thu từ các hoạt động sản xuất - kinh doanh và tiêu dùng trong nước là nền tảng. Các nguồn thu từ hoạt động xuất nhập khẩu và khai thác tài nguyên khoáng sản cần từng bước giảm dần cùng với quá trình toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế cũng như quá trình thay đổi mô hình tăng trưởng kinh tế. Trong thu nội địa phải đảm bảo cơ cấu hợp lý giữa thu thường xuyên và thu không thường xuyên, giữa thu từ thuế và các khoản thu ngoài thuế, giữa thuế gián thu và thuế trực thu... Cơ cấu thu ngân sách là yếu tố quan trọng nhất quyết định sự bền vững của thu NSNN.

Tuy nhiên, trong giai đoạn 2011 – 2020, cơ cấu thu ngân sách của Việt Nam chưa thật hợp lý và bền vững. Tỷ trọng thu từ thuế và các khoản thu quan trọng như thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế giá trị gia tăng đều đang trong xu hướng giảm, ngân sách còn phụ thuộc nhiều vào các nguồn thu không thường xuyên. Trong khi đó, nhu cầu chi tiêu ngân sách không ngừng tăng, vượt khả năng cân đối nguồn lực, thâm hụt ngân sách cao và kéo dài trong suốt hai thập kỷ.

Trong khi những khó khăn tiềm ẩn của nền kinh tế còn chưa được giải quyết, Việt Nam lại tiếp tục chịu những cú sốc lớn từ đại dịch Covid-19, cân đối ngân sách nhà nước gặp rất nhiều thách thức. Diễn biến phức tạp của đại dịch gây ảnh hưởng lớn đến tăng trưởng kinh tế, nguồn thu NSNN sụt giảm kết hợp với việc thực hiện các chính sách miễn, giảm, gia hạn thuế,

phí, lệ phí và tiền thuê đất đã làm cho thu NSNN năm 2020 có tốc độ tăng trưởng âm. Bởi vậy, vấn đề cơ cấu lại thu ngân sách, huy động nguồn lực quốc gia, đảm bảo cân đối ngân sách và phục hồi kinh tế là một thách thức lớn đối với Chính phủ Việt Nam.

Từ những yêu cầu lý luận và thực tiễn, việc nghiên cứu cơ cấu thu NSNN nhằm đưa ra những giải pháp cơ cấu lại và quản lý tốt nguồn thu, đảm bảo thu NSNN bền vững ở Việt Nam có ý nghĩa quan trọng và cấp thiết. Xuất phát từ những lý do trên, nghiên cứu sinh đã chọn đề tài **“Cơ cấu thu ngân sách nhà nước theo hướng thu ngân sách nhà nước bền vững ở Việt Nam”** làm đề tài nghiên cứu cho luận án tiến sĩ của mình.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

Mục đích nghiên cứu của luận án: xây dựng quan điểm, định hướng và các giải pháp hoàn thiện cơ cấu thu ngân sách theo hướng thu NSNN bền vững ở Việt Nam đến năm 2030.

Nhiệm vụ nghiên cứu của luận án:

- Một là, hệ thống hóa và làm rõ hơn những vấn đề lý luận về thu NSNN, thu NSNN bền vững, cơ cấu thu NSNN, các yếu tố ảnh hưởng đến cơ cấu thu NSNN và các tiêu chí đánh giá cơ cấu thu ngân sách theo hướng thu NSNN bền vững.

- Hai là, nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế về thiết lập cơ cấu thu ngân sách theo hướng thu NSNN bền vững và rút ra bài học cho Việt Nam.

- Ba là, phân tích thực trạng cơ cấu thu ngân sách nhà nước và đánh giá những kết quả đạt được, những hạn chế của cơ cấu thu ngân sách nhà nước ở Việt Nam theo hướng thu NSNN bền vững, lý giải nguyên nhân của những hạn chế đó.

- Bốn là, trên cơ sở hệ thống lý luận và cơ sở thực tiễn, kết hợp với phân tích, dự báo bối cảnh kinh tế - xã hội và những cơ hội, thách thức đối với cơ cấu thu ngân sách ở Việt Nam đến năm 2030, luận án đề xuất các mục tiêu, quan điểm, định hướng và đưa ra các giải pháp hoàn thiện cơ cấu thu NSNN theo hướng thu NSNN bền vững ở Việt Nam.

3. Câu hỏi nghiên cứu

Để có thể giải quyết thấu đáo những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu, NCS đặt ra các câu hỏi nghiên cứu cần phải giải quyết như sau:

Thứ nhất, thu NSNN và thu NSNN bền vững là gì? Cơ cấu thu ngân sách nhà nước theo hướng thu NSNN bền vững cần được đánh giá theo những tiêu chí nào?

Thứ hai, kinh nghiệm các nước thiết lập cơ cấu thu NSNN như thế nào? Những bài học nào có thể tham khảo cho Việt Nam?

Thứ ba, thực trạng thu NSNN và cơ cấu thu NSNN theo hướng thu NSNN bền vững ở Việt Nam hiện nay như thế nào? Tác động của các nhân tố ảnh hưởng tới cơ cấu thu ngân sách như thế nào? Những kết quả đạt được là gì, những hạn chế nào còn tồn tại và nguyên nhân?

Thứ tư, trong bối cảnh kinh tế - xã hội của Việt Nam và thế giới giai đoạn 2021 – 2030, cần đưa ra những mục tiêu, quan điểm, định hướng và các giải pháp nào để hoàn thiện cơ cấu thu NSNN theo hướng thu NSNN bền vững ở Việt Nam?

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu của đề tài luận án: những vấn đề lý luận và thực tiễn về cơ cấu thu ngân sách theo hướng thu NSNN bền vững.

- Phạm vi nghiên cứu:

Phạm vi về nội dung:

Phạm vi nghiên cứu đối với cơ cấu thu ngân sách: Có rất nhiều cách phân loại thu NSNN, bao gồm phân loại theo nguồn gốc hình thành khoản thu, theo đối tượng nộp ngân sách, theo nội dung kinh tế của các khoản thu, theo phân cấp ngân sách, theo khu vực, địa lý,... theo đó cũng có nhiều cách xác định cơ cấu thu ngân sách. Tuy nhiên, NCS lựa chọn đi sâu vào phân tích ba loại cơ cấu thu sau: cơ cấu thu theo nguồn hình thành, cơ cấu thu theo khu vực kinh tế và cơ cấu thu theo nội dung kinh tế. Các loại cơ cấu được lựa chọn có những mối liên hệ rõ ràng và chịu tác động trực tiếp của các chính sách tài khóa, các chỉ số kinh tế vĩ mô cũng như những biến động của thị trường, bởi vậy sẽ phù hợp để đưa ra các giải pháp cả trong ngắn hạn và dài hạn. Trong nghiên cứu này, NCS không phân tích số liệu thu NSNN theo từng cấp ngân sách. Số liệu thu ngân sách được sử dụng bao gồm cả ngân sách trung ương và ngân sách địa phương.

Phạm vi về không gian và thời gian: Luận án tham khảo kinh nghiệm quốc tế về cơ cấu thu ngân sách trong giai đoạn 2011 – 2020; nghiên cứu thực trạng cơ cấu thu NSNN ở Việt Nam giai đoạn 2011 – 2020, phù hợp để đánh giá cùng với Chiến lược cải cách thuế ở Việt Nam giai đoạn 2011 – 2020 và đề xuất các giải pháp đến 2030.

5. Phương pháp nghiên cứu

Luận án sử dụng phương pháp luận biện chứng duy vật nhằm xem xét sự vật, hiện tượng trong trạng thái luôn phát triển ứng với các điều kiện và môi trường liên quan. Trên cơ sở đó, để có những phân tích, đánh giá, luận giải có căn cứ khoa học, luận án sử dụng các phương pháp:

- *Phương pháp tổng hợp:* sử dụng nhằm kế thừa những lý luận liên quan đến cơ cấu thu NSNN và tính bền vững của thu NSNN, từ đó hình thành cơ sở lý thuyết cho đề tài luận án.

- *Phương pháp thống kê, so sánh:* Thông qua thu thập thông tin, số liệu thứ cấp, tiến hành xử lý, lập bảng biểu, vẽ đồ thị, biểu đồ để so sánh và đánh giá nội dung cần tập trung nghiên cứu.

- *Phương pháp phân tích*: Từ thông tin, số liệu tác giả tiến hành phân tích, tổng hợp thực trạng thu NSNN và cơ cấu thu ngân sách nhà nước. Qua đó đánh giá tính bền vững của thu NSNN.

- *Phương pháp mô hình hóa*: Là phương pháp mà luận án sử dụng để tìm hiểu về tác động của các nhân tố ảnh hưởng đến cơ cấu thu ngân sách bằng việc xây dựng mô hình hồi quy bình phương nhỏ nhất (OLS) dựa trên cơ sở lý thuyết và kết quả phân tích định tính. Mục tiêu của việc xây dựng mô hình nghiên cứu là để tìm ra nguyên nhân của những kết quả đạt được cũng như những hạn chế trong việc thiết lập cơ cấu thu ngân sách của Việt Nam, từ đó có cơ sở để đưa ra những giải pháp phù hợp.

- *Phương pháp nghiên cứu định lượng*: Luận án sử dụng phần mềm Eviews để phân tích các mô hình hồi quy cùng với các số liệu thu thập được từ Tổng cục Thống kê và World Bank. Căn cứ vào số liệu được xử lý thông qua phần mềm Eviews, luận án tiến hành đánh giá tác động của các nhân tố ảnh hưởng tới cơ cấu thu ngân sách tại Việt Nam.

6. Những đóng góp mới của luận án

6.1. Về lý luận

Luận án đã làm rõ khái niệm và các cách phân loại thu NSNN, khái niệm và vai trò của việc đảm bảo thu NSNN bền vững. Luận án đã đưa ra khái niệm, phân tích nội dung cơ cấu thu NSNN theo hướng thu NSNN bền vững và chỉ ra những nhân tố khách quan, chủ quan tác động tới cơ cấu thu NSNN theo hướng thu NSNN bền vững. Luận án đã đưa ra những tiêu chí định tính và định lượng nhằm đánh giá cơ cấu thu NSNN theo hướng thu NSNN bền vững.

Luận án đã tổng hợp được kinh nghiệm quốc tế trong việc thiết lập cơ cấu thu ngân sách theo hướng thu NSNN bền vững giai đoạn 2011 – 2020, từ đó rút ra bài học kinh nghiệm cho Việt Nam.

6.2. Về thực tiễn

Luận án đã phân tích khái quát tình hình kinh tế - xã hội và thu NSNN ở Việt Nam giai đoạn 2011 – 2020 thông qua khuôn khổ pháp lý về thu NSNN, quy mô và tốc độ tăng thu NSNN. Luận án cũng đã phân tích cụ thể, chi tiết thực trạng các loại cơ cấu thu NSNN, bao gồm cơ cấu thu NSNN theo nguồn hình thành, cơ cấu thu NSNN theo các khu vực kinh tế và cơ cấu thu NSNN theo nội dung kinh tế.

Trong đó, cơ cấu thu nội địa là chỉ tiêu quan trọng phản ánh tính bền vững của thu NSNN. Luận án đã xây dựng mô hình nghiên cứu để phân tích định lượng tác động của các nhân tố chính ảnh hưởng tới cơ cấu thu nội địa, bao gồm GDP bình quân đầu người, các nguồn lực của nền kinh tế bao gồm vốn đầu tư và lao động, cơ cấu ngành kinh tế theo lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ. Từ đó chỉ ra các tác động mạnh/yếu, tác động tích cực hay tiêu cực của các nhân tố này tới cơ cấu thu nội địa. Đồng thời, từ kết quả nghiên cứu về các yếu tố ảnh

hưởng tới cơ cấu thu nội địa, nhận định vốn là đầu vào quan trọng nhất trong phát triển kinh tế tại Việt Nam, luận án đã xây dựng mô hình nghiên cứu nhằm phân tích định lượng ảnh hưởng của cơ cấu vốn đầu tư tới tỷ trọng thu ngân sách từ các khu vực kinh tế nhà nước, khu vực kinh tế ngoài quốc doanh và khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.

Luận án đã chỉ ra những kết quả đạt được và những hạn chế của cơ cấu thu ngân sách tại Việt Nam trong đảm bảo thu ngân sách nhà nước bền vững và nguyên nhân của những hạn chế đó.

Trên cơ sở nghiên cứu lý thuyết, kinh nghiệm thiết lập cơ cấu thu ngân sách từ một số quốc gia trên thế giới, phân tích thực trạng cơ cấu thu ngân sách tại Việt Nam cũng như đánh giá ảnh hưởng của các nhân tố tới cơ cấu thu ngân sách, luận án đã đề xuất các mục tiêu, quan điểm, định hướng và một số giải pháp cụ thể hoàn thiện cơ cấu thu NSNN tại Việt Nam theo hướng thu NSNN bền vững đến năm 2030.

7. Kết cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo và các phụ lục, luận án có kết cấu gồm bốn chương:

- Chương 1: Tổng quan tình hình nghiên cứu có liên quan đến đề tài luận án
- Chương 2: Lý luận về cơ cấu thu ngân sách nhà nước theo hướng thu ngân sách nhà nước bền vững
- Chương 3: Thực trạng cơ cấu thu ngân sách nhà nước theo hướng thu ngân sách nhà nước bền vững ở Việt Nam
- Chương 4: Hoàn thiện cơ cấu thu ngân sách nhà nước theo hướng thu ngân sách nhà nước bền vững ở Việt Nam

CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU CÓ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1.1. TỔNG QUAN NHỮNG NGHIÊN CỨU CÓ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1.1.1. Tình hình nghiên cứu ở nước ngoài

1.1.1.1. Các nghiên cứu về thu NSNN và thu NSNN bền vững

Thu ngân sách nhà nước đã trở thành đối tượng nghiên cứu của nhiều nhà khoa học trên thế giới. Trong đó, các công trình nghiên cứu chủ yếu tập trung nhiều vấn đề chính sách thuế và nguồn thu từ thuế do các nhà nghiên cứu mặc nhiên coi đây là nguồn thu chủ yếu của NSNN. Luận án đã tham khảo các nghiên cứu của Adam Smith (1776), Diamond, P.A., & Mirrlees, J.A (1971), Rao, M.G. (2005), Gupta A.S. (2007), Ajaz và Ahmeh (2010), Kho bạc New Zealand (2013), Fakile và Adeniran Samuel (2014), Gregory De Paepe và Ben Dickinson (2014), Narcisa Roxana Mosteanu (2015), Alena A. và Veronika P. (2018).

1.1.1.2. Các nghiên cứu về cơ cấu thu NSNN

Các nghiên cứu ở nước ngoài thường tập trung phân tích cơ cấu thu nội địa, cơ cấu thuế gián thu và thuế trực thu của một hoặc nhiều quốc gia, hoặc phân tích cơ cấu một số loại thuế chủ yếu như thuế GTGT, thuế TNDN, thuế TNCN. Nổi bật là các nghiên cứu của Jens Arnold (2009), Hua Xu và Huiyu Cui (2011), Gregory De Paepe, Tom Hart và Cathal Long (2017), World Bank (2017), Emmanuelle Modica, Sabine Laudage và Michelle Harding (2018), Aisha Nazir, Sofia Anwar và Samia Nasreen (2020), Peter Mullins, Sanjeev Gupta và Jianhong Liu (2020) và Maganya (2020).

1.1.2. Tình hình nghiên cứu trong nước

1.1.2.1. Các nghiên cứu về thu NSNN và thu NSNN bền vững

Tại Việt Nam, hiện nay đã có một số giáo trình, luận án, công trình nghiên cứu cấp bộ, cấp cơ sở trực tiếp hoặc gián tiếp nghiên cứu về chủ đề chủ đề thu NSNN và thu NSNN bền vững như Giáo trình “*Quản lý Tài chính công*” do Dương Đăng Chinh và Phạm Văn Khoan đồng chủ biên (2009); Chuyên đề nghiên cứu chuyên sâu của Vũ Đình Ánh (2003), “*Phân tích tính bền vững của NSNN trong tiến trình CNH, HĐH và hội nhập quốc tế ở Việt Nam*”; cuốn sách do Vương Đình Huệ làm chủ biên có tựa đề “*Cơ sở lý luận và thực tiễn phân tích đánh giá tính bền vững của ngân sách nhà nước trong kiểm toán báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước*” xuất bản năm 2009; công trình nghiên cứu của Bùi Đường Nghiêu (2009), “*Phân tích mức độ bền vững của ngân sách nhà nước Việt Nam và dự báo đến năm 2020*”; Đề tài nghiên cứu khoa học của Phạm Văn Hà và Mai Thị Vân Anh (2007) làm chủ nhiệm có tên là: “*Sử dụng các mô hình kinh tế lượng hiện có để dự báo thu ngân sách ở Việt Nam*”; Luận án tiến sĩ “*Nâng cao tính bền vững của ngân sách nhà nước Việt Nam*” của Võ Văn Hợp (2013); Nghiên cứu của Vũ Sỹ Cường (2017), “*Huy động nguồn thu ngân sách nhà nước ở Việt Nam theo hướng bền vững*”; Nghiên cứu của Phạm Quỳnh Mai (2019), “*Tác động của tăng trưởng nguồn lực tài chính tư nhân tới thu NSNN tại Việt Nam*”.

1.1.2.2. Các nghiên cứu về cơ cấu thu NSNN

Các nghiên cứu về cơ cấu thu NSNN tại Việt Nam mà luận án đã thao khảo được bao gồm: Luận án tiến sĩ của Phùng Đức Hùng (2003), “*Hoàn thiện cơ cấu ngân sách nhà nước ở Việt Nam hiện nay*”; Đề tài nghiên cứu của các tác giả Nguyễn Thị Liên, Lê Xuân Trường, Đỗ Đức Minh, Nguyễn Thị Thanh Hoài, Lê Duy Thành về “*Đổi mới cơ cấu thu ngân sách của Việt Nam trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế*”; Lê Xuân Trường (2012): “*Tái cấu trúc hệ thống thuế Việt Nam phù hợp với điều kiện là thành viên WTO*”; Đề tài NCKH cấp Bộ năm 2013 cũng do Lê Xuân Trường làm chủ nhiệm: “*Cấu trúc thu ngân sách nhà nước bền vững – Những vấn đề lý luận và thực tiễn*”; Bài nghiên cứu của Phạm Hồng Chương và Nguyễn Thị Thùy Dương (2017), “*Nâng cao tính bền vững của nguồn thu từ thuế: Kinh nghiệm quốc tế và*

bài học cho Việt Nam”; Đề tài nghiên cứu khoa học năm 2019 do Vũ Đình Ánh làm chủ nhiệm: “*Cơ cấu thuế: Thực trạng và định hướng chuyển dịch*”; Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Nhà nước: “*Luận cứ khoa học về cơ cấu lại NSNN và quản lý nợ công ở Việt Nam trong tình hình mới*” do Nguyễn Việt Lợi và Nguyễn Minh Tân (2020) làm chủ biên. Ngoài ra, có khá nhiều đề tài, luận án, bài báo nghiên cứu về cơ cấu của một khoản thu hoặc một nhóm các khoản thu trong tổng thu NSNN.

1.2. NHẬN XÉT CHUNG VỀ KẾT QUẢ CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ NGHIÊN CỨU

1.2.1. Những kết quả đạt được mà luận án sẽ kế thừa

Tổng quan các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước có liên quan đến đề tài luận án đã góp phần cung cấp cơ sở lý thuyết và thực tiễn cho luận án trên các khía cạnh sau:

Về mặt lý luận, các công trình nghiên cứu đã cung cấp cho luận án những lý luận cơ bản về thu NSNN, khái niệm, đặc điểm và cách phân loại thu ngân sách. Một số đề tài đã phân tích chi tiết tính bền vững của NSNN, trong đó đưa ra một số quan điểm về thu NSNN bền vững và những tiêu chí đánh giá cơ cấu thu NSNN. Một số công trình nghiên cứu đã phân tích và đưa ra những đặc điểm của một cơ cấu thu ngân sách hợp lý tương ứng với từng giai đoạn phát triển của nền kinh tế, hoặc xu hướng thiết lập cơ cấu thu ngân sách của các nhóm nước tương ứng với trình độ phát triển khác nhau trên thế giới.

Về mặt thực tiễn, các công trình nghiên cứu đã sử dụng nhiều phương pháp để đánh giá tính bền vững của thu NSNN, trong đó rất nhiều công trình đã tiến hành đánh giá tính hợp lý của quy mô thu ngân sách với các yếu tố của tăng trưởng kinh tế như Gupta A.S. (2007), Jens Arnold (2009), Alena A. và Veronika P. (2018), Maganya (2020), Vũ Sỹ Cường (2009), Phạm Quỳnh Mai (2019). Hầu hết các công trình nghiên cứu đều thống nhất quan điểm rằng, thu ngân sách bền vững khi có mối quan hệ tích cực với tăng trưởng kinh tế. Các mô hình lý thuyết được đề xuất và phương pháp nghiên cứu là những nội dung quan trọng đã định hướng và gợi ý cho NCS xây dựng phương pháp nghiên cứu cho luận án của mình.

Như vậy, các công trình nghiên cứu trước đây là nền tảng rất quan trọng, là tiền đề để nghiên cứu sinh tiếp tục có cơ sở để nghiên cứu, so sánh và đánh giá thực trạng cơ cấu thu NSNN của Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

1.2.2. Những khoảng trống cần tiếp tục nghiên cứu

Bên cạnh những kết quả nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án mà các nghiên cứu trước đã đạt được, vẫn còn một số “khoảng trống” chưa được nghiên cứu và làm rõ:

Khoảng trống về mặt lý luận: các công trình nghiên cứu trước đây đã đưa ra những tiêu chí cơ bản đánh giá tính bền vững của thu NSNN, nhưng chưa đi sâu phân tích các tiêu chí, yêu cầu cụ thể của một cơ cấu thu ngân sách theo hướng thu NSNN bền vững. Do đó, cần làm rõ và sâu sắc hơn các khía cạnh của cơ cấu thu ngân sách, đặc biệt là cơ cấu những khoản thu có vai

trò quan trọng trong hệ thống thu NSNN. Các chỉ số thể hiện cơ cấu thu ngân sách đảm bảo tính bền vững của thu NSNN cần được bổ sung và hoàn thiện hơn.

Khoảng trống về mặt thực tiễn: các nghiên cứu ở quốc gia khác khó có thể áp dụng vào Việt Nam do điều kiện kinh tế xã hội khác nhau. Các công trình nghiên cứu về Việt Nam gần đây hầu như chỉ tập trung phân tích cơ cấu thuế tại Việt Nam, chủ yếu là những bài báo, kỷ yếu hội thảo, hàm lượng nghiên cứu và phân tích, luận giải còn hạn chế, chưa đánh giá toàn diện và có hệ thống về cơ cấu thu NSNN ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay, chưa phân tích cụ thể về tình trạng cơ cấu thu NSNN với mục tiêu bền vững thu NSNN. Bởi vậy, trong bối cảnh đất nước đang gặp nhiều khó khăn bởi đại dịch và những yếu tố thiếu bền vững của nội tại nền kinh tế còn chưa được giải quyết, việc phân tích, đánh giá chi tiết thực trạng và xu hướng của các khoản thu trong hệ thống thu NSNN giai đoạn 2011 - 2020 để tìm ra những giải pháp phù hợp, phát huy vai trò của những khoản thu bền vững, giảm sự phụ thuộc vào những khoản thu không bền vững là những vấn đề nghiên cứu mà luận án sẽ thực hiện.

Với thời gian và phạm vi tìm hiểu của mình, NCS nhận thấy phần lớn các công trình nghiên cứu trước đây chỉ mới đề cập đến một khía cạnh trong nội dung nghiên cứu của luận án, chưa có công trình nào nghiên cứu, phân tích toàn diện cơ cấu thu NSNN theo hướng thu NSNN bền vững, đặc biệt trong giai đoạn 2011 – 2020, khi cân đối ngân sách Việt Nam đang đối diện với nhiều thách thức lớn. Do đó, có thể nói, những công trình nghiên cứu kể trên có đề cập đến một số nội dung nghiên cứu của luận án nhưng không trùng lặp về nội dung, phạm vi nghiên cứu của luận án.

CHƯƠNG 2: LÝ LUẬN VỀ CƠ CẤU THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO HƯỚNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC BỀN VỮNG

2.1. THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC VÀ THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC BỀN VỮNG

2.1.1. Thu ngân sách nhà nước

2.1.1.1. Khái niệm thu ngân sách nhà nước

Thu NSNN là việc Nhà nước dùng quyền lực của mình để tập trung một phần nguồn tài chính quốc gia hình thành quỹ ngân sách nhà nước nhằm đáp ứng nhu cầu chi tiêu của Nhà nước. Thu NSNN gắn chặt với việc thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước, bởi mục tiêu của thu NSNN là để Nhà nước có nguồn lực duy trì hoạt động và cung cấp các dịch vụ công cho xã hội.

2.1.1.2. Phân loại thu ngân sách nhà nước

a. Phân loại theo nguồn hình thành khoản thu

Nguồn gốc hình thành khoản thu được đề cập theo tiêu chí phân loại này bao gồm nguồn thu nội địa và nguồn thu từ hoạt động đối ngoại. Theo đó, thu ngân sách có thể phân chia thành

thu nội địa, thu cân đối từ xuất khẩu, nhập khẩu và thu từ viện trợ không hoàn lại. Trong đó, đối với quốc gia có thu ngân sách phụ thuộc nhiều vào dầu thô như Việt Nam, thu nội địa có thể tiếp tục được phân chia thành thu nội địa không bao gồm dầu thô và thu từ dầu thô.

Một cách phân loại khác theo tiêu chí nguồn hình thành khoản thu thường được sử dụng là thu thường xuyên và thu không thường xuyên. Thu thường xuyên bao gồm các khoản phát sinh có tính chất thường xuyên như thuế, phí và lệ phí. Thu không thường xuyên bao gồm các khoản thu còn lại, như thu từ viện trợ, thu từ bán tài sản nhà nước,...

b. Phân loại theo cơ cấu nền kinh tế

Cơ cấu kinh tế có nhiều loại: cơ cấu theo khu vực kinh tế (kinh tế nhà nước, kinh tế ngoài nhà nước, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài), cơ cấu ngành kinh tế (công nghiệp, nông nghiệp và dịch vụ), cơ cấu kinh tế theo vùng, lãnh thổ... Theo đó, thu NSNN có thể phân loại thành thu từ khu vực kinh tế nhà nước, thu từ khu vực ngoài quốc doanh, thu từ khu vực có vốn đầu tư nước ngoài. Cách phân loại này cho thấy khu vực kinh tế nào đem lại nguồn thu chủ yếu cho ngân sách một quốc gia. Thu NSNN cũng có thể được phân loại thành thu từ lĩnh vực công nghiệp, nông nghiệp và dịch vụ, hoặc thu ngân sách từ các vùng, lãnh thổ khác nhau. Trong đó, cách phân loại thu theo khu vực kinh tế được sử dụng xuyên suốt trong công tác thống kê và lập quyết toán NSNN hàng năm tại Việt Nam.

c. Phân loại theo nội dung kinh tế

Căn cứ vào nội dung kinh tế của các khoản thu, NSNN có thể chia ra thành các nhóm và trong từng nhóm lại được chia nhỏ hơn thành các tiểu nhóm, tiếp đến là mục và cuối cùng là tiểu mục. Các tiểu mục thể hiện nội dung chi tiết của từng khoản thu gắn với những hoạt động kinh tế hoặc đối tượng cụ thể. Theo cách phân loại này, thu NSNN có thể được phân chia thành 3 nhóm:

Nhóm 1: Thu thường xuyên bao gồm các khoản thu phát sinh có tính chất thường xuyên như: các loại thuế, phí và lệ phí.

Nhóm 2: Thu về chuyển nhượng quyền sử dụng và bán tài sản của Nhà nước

Nhóm 3: Thu viện trợ không hoàn lại

Trong đó, thuế là một khoản đóng góp bắt buộc từ các thể nhân và pháp nhân cho Nhà nước theo mức độ và thời hạn được pháp luật quy định nhằm sử dụng cho mục đích công cộng (Nguyễn Thị Liên, 2009, tr.5). Trong phân loại thu NSNN, bản thân nguồn thu từ thuế cần được phân loại theo các tiêu chí cụ thể nhằm phục vụ cho công tác thiết kế chính sách thuế và quản lý, đánh giá hiệu quả công tác quản lý thuế. Các cách phân loại thuế được sử dụng phổ biến trên thế giới như sau:

(i) *Phân loại theo đối tượng chịu thuế*

(ii) *Phân loại theo phương thức đánh thuế*

2.1.2. Thu ngân sách nhà nước bền vững

2.1.2.1. Khái niệm thu ngân sách nhà nước bền vững

Thu NSNN bền vững là thuộc tính của một NSNN mà tại đó các nhu cầu chi tiêu hiện tại được đáp ứng và vẫn đảm bảo nhu cầu chi tiêu trong dài hạn trên cơ sở phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội và thúc đẩy tăng trưởng bền vững. Tính bền vững của thu NSNN không phải là vấn đề tự thân của hệ thống thu NSNN mà là vấn đề có liên quan chặt chẽ với tăng trưởng kinh tế bền vững nói chung. Tóm lại, *thu NSNN bền vững là trong dài hạn phải đảm bảo sự tăng trưởng liên tục, phù hợp với sự tăng trưởng của nền kinh tế, trong đó cơ cấu thu phải ổn định tương đối và ít bị tác động mạnh từ các yếu tố bên ngoài.*

2.1.2.2. Vai trò của thu ngân sách nhà nước bền vững

Thu NSNN bền vững có vai trò rất quan trọng trong toàn bộ hoạt động của Nhà nước và nền kinh tế - xã hội, cụ thể là:

- Thu NSNN bền vững bảo đảm nguồn lực tài chính để thực hiện các nhu cầu chi tiêu của Nhà nước, các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của Nhà nước.
- Thu NSNN bền vững góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.
- Đảm bảo thu NSNN bền vững còn đóng vai trò quan trọng trong vấn đề điều tiết thu nhập của các chủ thể trong nền kinh tế, góp phần giải quyết các vấn đề về đời sống xã hội.

2.2. CƠ CẤU THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO HƯỚNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC BỀN VỮNG

2.2.1. Khái niệm cơ cấu thu ngân sách nhà nước theo hướng thu ngân sách nhà nước bền vững

Cơ cấu thu NSNN theo hướng thu NSNN bền vững là mối quan hệ ổn định, hợp lý giữa các bộ phận hợp thành hệ thống thu NSNN, trong dài hạn phải đảm bảo sự tăng trưởng liên tục của thu NSNN, phù hợp với sự tăng trưởng của nền kinh tế và ít bị tác động mạnh từ các yếu tố bên ngoài.

2.2.2. Nội dung cơ cấu thu ngân sách nhà nước theo hướng thu ngân sách nhà nước bền vững

Dựa trên các cách phân loại thu NSNN, có thể xác định các loại cơ cấu thu NSNN khác nhau tùy thuộc vào mục tiêu nghiên cứu và đánh giá cơ cấu thu NSNN. Nội dung cơ cấu thu NSNN theo hướng thu NSNN bền vững có thể được phân tích, đánh giá theo ba khía cạnh như sau:

2.2.2.1. Cơ cấu thu theo nguồn hình thành

Theo phân loại thu NSNN theo nguồn hình thành có thể xác định cơ cấu thu theo nguồn hình thành bao gồm các khoản thu: thu nội địa, thu từ dầu thô, thu cân đối từ hoạt động xuất

nhập khẩu, thu viện trợ. Đồng thời, có thể xác định cơ cấu thu theo tính chất nguồn hình thành khoản thu bao gồm thu thường xuyên và thu không thường xuyên.

2.2.2.2. Cơ cấu thu theo khu vực kinh tế

Theo phân loại thu NSNN theo cơ cấu nền kinh tế, có thể xác định nhiều loại cơ cấu thu ngân sách khác nhau. Trong đó, cách xác định cơ cấu thu ngân sách theo khu vực kinh tế bao gồm thu từ doanh nghiệp nhà nước, thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và thu từ doanh nghiệp ngoài quốc doanh được sử dụng chủ yếu tại Việt Nam để nghiên cứu, phân tích chính sách thuế và phục vụ cho thiết kế, đánh giá mô hình tăng trưởng kinh tế.

2.2.2.3. Cơ cấu thu theo nội dung kinh tế

Theo phân loại thu NSNN theo nội dung kinh tế, cơ cấu thu ngân sách bao gồm tất cả các khoản thu cụ thể và chi tiết theo mục tiêu kiểm soát và hạch toán, theo dõi tất cả các khoản thu nộp vào NSNN. Theo đó, cơ cấu thu NSNN theo nội dung kinh tế bao gồm các khoản thu từ thuế, các khoản thu từ phí, lệ phí và các khoản thu khác trong tổng thu NSNN.

2.2.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến cơ cấu thu ngân sách nhà nước theo hướng thu ngân sách nhà nước bền vững

2.2.3.1. Các nhân tố khách quan

a. Quy mô và tốc độ tăng trưởng kinh tế

Tăng trưởng kinh tế là nhân tố quyết định đến thu NSNN trong từng thời kỳ và là cơ sở để tạo nguồn thu cho ngân sách. Khi quy mô nền kinh tế càng lớn với mức độ tăng trưởng càng cao thì việc huy động thu nhập từ các khu vực kinh tế trong xã hội sẽ tốt hơn, do vậy số thu NSNN càng lớn và có tiền đề để tăng trưởng số thu một cách bền vững.

b. Cơ cấu nền kinh tế

Cơ cấu nền kinh tế cũng có tác động tới cơ cấu nguồn thu và tính bền vững của cơ cấu thu NSNN. Cơ cấu kinh tế theo ngành, lĩnh vực (cơ cấu ngành nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ); theo khu vực kinh tế (khu vực kinh tế nhà nước, khu vực kinh tế ngoài nhà nước và khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài) là yếu tố quan trọng cần phải xem xét khi đánh giá cơ cấu thu NSNN có hợp lý hay không.

c. Các nguồn lực của nền kinh tế

Các nguồn lực của nền kinh tế có ảnh hưởng không nhỏ đến việc hình thành cơ cấu thu ngân sách. Các nguồn lực kinh tế cơ bản bao gồm nguồn lực về vốn, nguồn lực về con người, nguồn lực về khoa học kỹ thuật và nguồn lực về tài nguyên thiên nhiên.

d. Độ mở của nền kinh tế

Khi mở rộng quan hệ đối ngoại, thực hiện các cam kết thuế quan song phương và đa phương, nguồn thu từ thuế nhập khẩu sẽ giảm đi.

e. Các nhân tố khách quan khác

Các nhân tố khách quan khác như giá cả các mặt hàng trên thị trường quốc tế (đặc biệt là giá dầu thô), quan hệ thương mại giữa các nền kinh tế lớn, thiên tai và dịch bệnh,... luôn có những ảnh hưởng nhất định đến tăng trưởng kinh tế cũng như thu ngân sách và cơ cấu thu ngân sách.

2.2.3.2. Các nhân tố chủ quan

a. Hệ thống chính sách kinh tế - xã hội và các chính sách trong lĩnh vực thu

b. Công tác tổ chức, quản lý thực hiện thu ngân sách

2.2.4. Các tiêu chí đánh giá cơ cấu thu ngân sách nhà nước theo hướng thu ngân sách nhà nước bền vững

2.2.4.1. Các tiêu chí định tính

a. Sự phù hợp giữa quy mô và cơ cấu thu ngân sách với điều kiện kinh tế xã hội

Điều kiện kinh tế - xã hội là cơ sở thực tiễn, cơ sở kinh tế để xác định và huy động các nguồn thu cho ngân sách. Việc thiết kế số lượng các sắc thuế, phí, lệ phí và nội dung cụ thể của chúng, bao gồm các vấn đề phạm vi điều tiết, mức thuế, cơ sở thuế và ưu đãi thuế có phù hợp với bối cảnh cụ thể của nền kinh tế và xu hướng của thế giới hay không là một tiêu chí đánh giá sự bền vững của thu NSNN.

b. Tính ổn định và bền vững của nguồn thu NSNN

Cơ cấu thu NSNN theo hướng thu NSNN bền vững được đánh giá rõ nhất ở sự ổn định và bền vững của nguồn thu. Đó là các nguồn thu được huy động từ chính nội lực của nền kinh tế, có thể huy động một cách thường xuyên, ổn định và lâu dài. Các loại thuế, phí, lệ phí, nhất là thu nội địa là những nguồn thu thường xuyên và bền vững.

2.2.4.2. Các tiêu chí định lượng

a. Tỷ trọng thu ngân sách so với GDP

b. Tốc độ tăng thu NSNN so với tốc độ tăng GDP

c. Tỷ trọng và tốc độ tăng các khoản thu trong cơ cấu thu NSNN theo nguồn hình thành

d. Tỷ trọng và tốc độ tăng các khoản thu trong cơ cấu thu NSNN theo khu vực kinh tế

e. Tỷ trọng và tốc độ tăng các khoản thu trong cơ cấu thu NSNN theo nội dung kinh tế

2.3. KINH NGHIỆM QUỐC TẾ VỀ THIẾT LẬP CƠ CẤU THU NGÂN SÁCH THEO HƯỚNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC BỀN VỮNG VÀ BÀI HỌC CHO VIỆT NAM

2.3.1. Kinh nghiệm quốc tế về thiết lập cơ cấu thu ngân sách theo hướng thu ngân sách nhà nước bền vững

Trong những năm gần đây, các quốc gia đã và đang tiến hành cải cách mạnh mẽ hệ thống và chính sách nhằm cơ cấu lại nguồn thu và nâng cao tính bền vững của thu NSNN. Một số

kinh nghiệm phổ biến thường được các quốc gia áp dụng bao gồm: nâng cao tỷ trọng của thuế tiêu dùng, giảm thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp và mở rộng cơ sở thuế, củng cố các nguồn thu sẵn có như thuế tài sản, nâng tỷ trọng nguồn thu từ thuế thu nhập cá nhân, nâng cao tỷ trọng các khoản thu bảo vệ môi trường, nhấn mạnh mục tiêu trung lập kinh tế và tăng nguồn thu của hệ thống chính sách thuế, tăng cường các biện pháp chống chuyển giá, chống thất thu ngân sách.

2.3.2. Bài học kinh nghiệm cho Việt Nam

Những bài học kinh nghiệm phù hợp với điều kiện cụ thể có thể rút ra cho Việt Nam như sau:

Một là, để hướng tới bền vững tài khóa, cơ cấu thu ngân sách cũng phải có sự điều chỉnh phù hợp với diễn biến kinh tế vĩ mô trong từng giai đoạn, đảm bảo sự đồng bộ trong các biện pháp cải cách của từng sắc thuế trong tổng thể hệ thống thuế.

Hai là, điều chỉnh cơ cấu thu ngân sách phải lấy trọng tâm là cải cách chính sách thuế.

Ba là, tăng cường vai trò của thuế tiêu dùng trong hệ thống thuế để bù đắp sự sụt giảm của nguồn thu từ cải cách chính sách thuế thu nhập và mở rộng dư địa tài khóa cho chính phủ.

Bốn là, mở rộng cơ sở thuế TNDN thông qua các biện pháp kích thích và hỗ trợ đầu tư, đơn giản hóa hệ thống thuế và thủ tục hành chính, cải thiện môi trường kinh doanh.

CHƯƠNG 3: THỰC TRẠNG CƠ CẤU THU NGÂN SÁCH THEO HƯỚNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC BỀN VỮNG Ở VIỆT NAM

3.1. KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC Ở VIỆT NAM

3.1.1. Khái quát tình hình kinh tế - xã hội giai đoạn 2011 – 2020

Trong giai đoạn 2011 – 2020, tăng trưởng GDP của Việt Nam tuy không đạt kế hoạch đề ra những vẫn đạt kết quả khá, nền tảng vĩ mô tương đối ổn định, quá trình cơ cấu lại nền kinh tế đang diễn ra đúng hướng. Bên cạnh đó, những khó khăn, hạn chế còn tồn tại như: nền kinh tế tăng trưởng phụ thuộc nhiều vào vốn, chất lượng lao động chưa được cải thiện rõ rệt, nợ công, thâm hụt NSNN cao và kéo dài, tiềm lực phát triển của nền kinh tế còn yếu bởi doanh nghiệp trong nước chủ yếu là doanh nghiệp nhỏ, trình độ công nghệ thấp,... có những tác động không nhỏ tới cơ cấu thu ngân sách và bền vững thu NSNN ở Việt Nam.

3.1.2. Tình hình thu ngân sách nhà nước ở Việt Nam

Sau nhiều lần cải cách, hệ thống thuế của Việt Nam bao gồm 10 loại thuế: thuế giá trị gia tăng, thuế xuất khẩu và thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân, thuế sử dụng đất nông nghiệp, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp và thuế tài nguyên. Ngoài thu từ thuế, phí và lệ phí, NSNN còn có các nguồn thu

như: thu từ bán tài sản nhà nước (trong đó có đất), thu từ vốn góp cổ phần, thu từ các khoản tiền đóng góp của người dân và doanh nghiệp, thu từ hoạt động xổ số kiến thiết, thu từ quỹ đất công ích...

Trong giai đoạn 2011 – 2020, quy mô thu NSNN không ngừng được mở rộng, nhưng vẫn chưa đáp ứng được quy mô chi ngân sách liên tục gia tăng. Trước khi đại dịch Covid-19 xảy ra vào năm 2020, nhìn chung, Việt Nam đã có sự cải thiện nhẹ về tài khóa trong giai đoạn 2016 – 2019 so với giai đoạn 2011 – 2015. Quy mô thu NSNN của Việt Nam giai đoạn 2016 – 2020 tăng khoảng 1,58 lần so với giai đoạn 2011 – 2015, chiếm bình quân khoảng 25,2% GDP (giai đoạn 2011 – 2015 là 24,1% GDP), đạt và vượt mục tiêu đề ra tại Nghị quyết số 07-NQ/TW của Bộ Chính trị (21% GDP) và Nghị quyết số 25/2016/QH14 của Quốc hội (23,5% GDP). Trong cả giai đoạn 2011 – 2020, tốc độ tăng thu ngân sách trung bình đạt 9,85%.

3.2. THỰC TRẠNG CƠ CẤU THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO HƯỚNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2011 – 2020

3.2.1. Thực trạng cơ cấu thu ngân sách nhà nước theo nguồn hình thành

3.2.1.1. Cơ cấu thu nội địa, thu từ đầu thô, thu cân đối từ hoạt động XNK và thu viện trợ

Cơ cấu thu nội địa có tỷ trọng ngày càng tăng trong cơ cấu thu NSNN ở Việt Nam, trong khi thu từ đầu thô và thu từ hoạt động xuất nhập khẩu ngày càng suy giảm. Trong giai đoạn 2001 – 2010, tỷ trọng thu nội địa chỉ đạt trung bình 55,3% tổng thu NSNN. Tỷ trọng này tăng dần lên mức 67,7% giai đoạn 2011 – 2015, sau đó tăng trưởng nhanh chóng và đạt 81,75% giai đoạn 2016 – 2020.

Căn cứ vào cơ sở lý thuyết và các kết quả nghiên cứu thực nghiệm có liên quan, NCS đã tiến hành đánh giá định lượng tác động của các nhân tố chính của nền kinh tế đến tỷ trọng thu nội địa trong tổng thu NSNN của Việt Nam. Kết quả nghiên cứu cho thấy, GDP bình quân đầu người là biến có mối quan hệ thuận chiều, tác động tích cực tới tỷ trọng thu nội địa. Vốn đầu tư và năng suất lao động xã hội đều có tác động tích cực đến tỷ trọng thu nội địa, nhưng tác động của vốn mạnh hơn rất nhiều so với tác động của năng suất lao động (giá trị ước lượng hệ số góc β tương ứng là 0,2508 so với 0,0035). Tỷ trọng thu nội địa cũng chịu nhiều tác động từ cơ cấu kinh tế. Tỷ trọng ngành nông nghiệp có tác động ngược chiều tới thu nội địa, trong khi tỷ trọng ngành công nghiệp, xây dựng và tỷ trọng ngành dịch vụ đều có tác động tích cực. Điều này cho thấy quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế của Việt Nam đã đi đúng hướng, góp phần nâng cao tính bền vững của thu NSNN

3.2.1.3. Cơ cấu thu thường xuyên và thu không thường xuyên

Thu thường xuyên là khoản thu chiếm tỷ trọng chủ yếu trong cơ cấu thu ngân sách, nhưng đang có xu hướng giảm trong những năm gần đây. Trong giai đoạn 2011 – 2020, quy mô thu

thường xuyên đã tăng từ 655.476 tỷ đồng năm 2011 lên 1.328.859 tỷ đồng năm 2020, tốc độ tăng trưởng trung bình đạt 8,32%/năm, thấp hơn tốc độ tăng của thu NSNN. Trong khi đó, thu không thường xuyên tăng từ 66.328 tỷ đồng năm 2011 lên 178.986 tỷ đồng năm 2020, tăng trưởng trung bình 12,96%/năm, là nguồn bù đắp quan trọng cho thu cân đối NSNN.

3.2.2. Thực trạng cơ cấu thu ngân sách nhà nước theo khu vực kinh tế

3.2.2.1. Cơ cấu thu của các khu vực kinh tế trong tổng thu NSNN và GDP

Trong giai đoạn 2011 – 2020, mặc dù có tỷ trọng đóng góp trong GDP tăng đều qua các năm (từ 88,54% năm 2011 lên 90,2% năm 2020), tỷ trọng đóng góp trong thu NSNN của cả ba khu vực kinh tế lại đang có xu hướng giảm, từ 48,99% trong năm 2013 và giảm mạnh còn 38,89% trong năm 2020.

3.2.2.2. Cơ cấu thu từ các khu vực kinh tế trong một số sắc thuế chủ yếu

Thu từ ba khu vực kinh tế chủ yếu đến từ thuế GTGT hàng sản xuất trong nước, thuế TTĐB, thuế TNDN và thuế tài nguyên. Trong đó, thuế TNDN và thuế GTGT là hai khoản thu quan trọng nhất, chiếm tỷ trọng chủ yếu trong tổng số thu từ các khu vực kinh tế, thuế tài nguyên chỉ chiếm tỷ trọng rất nhỏ (khoảng 1-2%).

Kế thừa và phát triển các nghiên cứu của Alena A. và Veronika P. (2018), Maganya (2020), Phạm Quỳnh Mai (2019), luận án đã tiến hành xây dựng mô hình nghiên cứu nhằm đánh giá ảnh hưởng của cơ cấu vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội đến tổng thu ngân sách từ các khu vực kinh tế.

Kết quả hồi quy cho thấy các nguồn vốn đầu tư có tác động đồng biến với tổng thu NSNN, trong đó, tác động của vốn đầu tư từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh là lớn nhất (0,2864), tiếp theo là vốn đầu tư vào khu vực FDI (0,2179) và vốn đầu tư vào khu vực kinh tế nhà nước (0,1319). Điều này cho thấy vai trò ngày càng quan trọng của khu vực kinh tế ngoài quốc doanh đối với thu NSNN nói riêng và nền kinh tế nói chung.

3.2.3. Thực trạng cơ cấu thu ngân sách nhà nước theo nội dung kinh tế

3.2.3.1. Cơ cấu các khoản thu thuế, phí và lệ phí

Quy mô thu từ thuế, phí, lệ phí bao gồm cả dầu thô đã tăng từ 629.187 tỷ đồng năm 2011 lên 1.129.506 tỷ đồng năm 2019 và giảm nhẹ còn 1.059.188 tỷ đồng năm 2020. Thu từ thuế, phí, lệ phí không bao gồm dầu thô có tốc độ tăng trưởng khá ổn định khoảng 10 – 11% trong giai đoạn 2014 - 2019 trước khi sụt giảm nghiêm trọng vào năm 2020 do ảnh hưởng của dịch bệnh. Tốc độ tăng trưởng của khoản thu này đạt trung bình 9,26% trong giai đoạn 2011 – 2020, thấp hơn tốc độ tăng trưởng trung bình của thu NSNN (9,85%).

3.2.3.2. Cơ cấu thuế trực thu, thuế gián thu

Trong giai đoạn 2011 – 2020, cùng với xu hướng giảm của tỷ trọng thu thuế trong tổng thu NSNN, tỷ trọng thuế trực thu và gián thu đều trong xu hướng giảm. Cụ thể, tỷ trọng thuế

trực thu đã giảm từ 32,72% tổng thu NSNN năm 2011 xuống còn 24,98% năm 2020, mặc dù xét về quy mô, thuế trực thu tăng từ 236.188 tỷ đồng năm 2011 lên 376.616 tỷ đồng năm 2020 (1,6 lần). Tỷ trọng thuế gián thu giảm từ 50,63% tổng thu NSNN xuống còn 40,63% năm 2020. Về quy mô, thuế gián thu tăng từ 365.480 tỷ đồng năm 2011 lên 612.651 tỷ đồng năm 2020 (1,8 lần).

3.2.3.3. Cơ cấu các khoản thuế trực thu chủ yếu

(i) Thuế thu nhập doanh nghiệp

(ii) Thuế thu nhập cá nhân

3.2.3.4. Cơ cấu các khoản thuế gián thu chủ yếu

(i) Thuế giá trị gia tăng

(ii) Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng sản xuất trong nước

(iii) Thuế XK, NK, TTĐB và BVMT hàng nhập khẩu

(iv) Thuế bảo vệ môi trường

(v) Thuế tài nguyên

3.2.3.5. Cơ cấu các khoản thu liên quan đến tài sản

Trong giai đoạn 2011 – 2020, các khoản thu từ thuế sử dụng đất nông nghiệp, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, thu tiền cho thuê và bán nhà thuộc sở hữu nhà nước không có biến động đáng kể về quy mô và tỷ trọng, chỉ đóng góp rất nhỏ trong tổng thu NSNN. Trong khi đó, các khoản thu liên quan đến tài sản còn lại là thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước và lệ phí trước bạ lại có sự tăng trưởng rất nhanh chóng.

3.3. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG CƠ CẤU THU NGÂN SÁCH THEO HƯỚNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC BỀN VỮNG Ở VIỆT NAM

3.3.1. Những kết quả đạt được

Trong giai đoạn 2011 – 2020, cơ cấu thu ngân sách theo hướng thu NSNN bền vững đã đạt được những kết quả nổi bật như sau:

Thứ nhất, quy mô thu ngân sách ngày càng tăng.

Thứ hai, cơ cấu thu ngân sách đảm bảo nguyên tắc căn bản về cân đối ngân sách là thu thường xuyên lớn hơn chi thường xuyên và góp phần tích lũy cho chi đầu tư phát triển.

Thứ ba, cơ cấu thu NSNN đã dịch chuyển theo hướng bền vững hơn với sự tăng dần về tỷ trọng của thu nội địa; thu cân đối từ XNK và thu từ dầu thô đều có xu hướng giảm.

Thứ tư, trong cơ cấu thu NSNN theo các khu vực kinh tế, thu từ doanh nghiệp FDI và thu từ DNNN đang có xu hướng giảm, trong khi thu từ khu vực ngoài quốc doanh có xu hướng tăng lên và chiếm tỷ trọng ngày càng cao.

Thứ năm, trong các khoản thu nội địa, đóng góp chính vào tăng trưởng quy mô thu từ

thuế, phí và lệ phí là tăng trưởng của thu từ thuế không bao gồm dầu thô.

Thứ sáu, thuế bảo vệ môi trường đang là nguồn bù đắp hiệu quả cho sự sụt giảm của một loạt các nguồn thu trong tổng thu NSNN.

Thứ bảy, số thu từ việc khai thác nguồn lực tài sản công cũng tăng dần qua các năm.

3.3.2. Những hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được, cơ cấu thu ngân sách còn tồn tại những hạn chế cho thấy sự kém bền vững của thu NSNN ở Việt Nam, cụ thể như sau:

Thứ nhất, cơ cấu thu không thường xuyên chiếm tỷ trọng khá cao trong tổng thu NSNN, trung bình 10,76% trong giai đoạn 2016 – 2020 và đang có xu hướng tăng lên.

Thứ hai, số liệu thu ngân sách thường xuyên theo cách xác định trên quyết toán NSNN của Việt Nam bao gồm cả thu từ dầu thô và các khoản thu khác, trong khi những khoản này khó có thể coi là thu thường xuyên.

Thứ ba, trong cơ cấu thu NSNN theo khu vực kinh tế, tỷ trọng đóng góp trong thu NSNN của cả ba khu vực kinh tế đang có xu hướng giảm.

Thứ tư, cơ cấu thu NSNN từ thuế giảm mạnh trong giai đoạn 2011 – 2020.

Thứ năm, cơ cấu NSNN từ thuế của Việt Nam cũng chưa cân đối so với yêu cầu của một cơ cấu thu bền vững.

Thứ sáu, thuế GTGT, thuế TNDN, thuế TTĐB hàng sản xuất trong nước và thuế tài nguyên đều cho thấy xu hướng giảm về tỷ trọng trong tổng thu NSNN giai đoạn 2011 – 2020, mặc dù đây là các nguồn thu chính và xuất phát từ nội lực của nền kinh tế.

3.3.3. Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế

Những hạn chế về thực trạng cơ cấu thu ngân sách theo hướng thu NSNN bền vững ở Việt Nam được phân tích ở trên xuất phát từ những nguyên nhân khách quan và chủ quan như sau:

3.3.3.1. Những nguyên nhân khách quan

Một là, nền kinh tế Việt Nam còn yếu cả về trình độ sản xuất, quản lý và hiệu quả phân bổ, sử dụng nguồn lực, chất lượng tăng trưởng còn thấp, dẫn đến khả năng chống chịu của nền kinh tế trước những cú sốc lớn rất hạn chế.

Hai là, do quá trình hội nhập kinh tế quốc tế diễn ra ngày càng sâu rộng, trong đó việc thực hiện cắt giảm thuế suất theo các cam kết dẫn đến việc cắt giảm nhiều dòng thuế nhập khẩu, làm giảm mạnh nguồn thu NSNN.

Ba là, trụ cột tăng trưởng chưa thực sự bền vững, tập trung vào một số ngành, một số doanh nghiệp có số thu ngân sách lớn, sản phẩm xuất khẩu cao, đóng góp cho tăng trưởng nhiều.

Bốn là, do cơ chế phân phối thu nhập không đều, không đảm bảo sự cân bằng.

3.3.3.2. Những nguyên nhân chủ quan

Một là, hệ thống pháp lý và cơ chế chưa hoàn chỉnh, đồng bộ.

Hai là, tình trạng thất thu thuế, nợ đọng thuế còn tiếp diễn, việc chấp hành pháp luật về thuế còn chưa nghiêm.

Ba là, quá trình chuyển đổi nhanh chóng của Việt Nam đang định hình lại những lựa chọn về chính sách tài khóa.

Bốn là, một số chính sách thuế còn chưa theo kịp với yêu cầu thực tiễn, có nhiều loại hàng hóa dịch vụ và các phương thức sản xuất, trao đổi, cung cấp ngày càng đa dạng gây ra nhiều khó khăn trong việc áp dụng.

Năm là, do năng lực và tổ chức bộ máy quản lý thu thuế cũng như trình độ cán bộ thuế còn hạn chế.

CHƯƠNG 4: HOÀN THIỆN CƠ CẤU THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

THEO HƯỚNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC BỀN VỮNG Ở VIỆT NAM

4.1. BỐI CẢNH KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ NHỮNG CƠ HỘI, THÁCH THỨC ĐỐI VỚI CƠ CẤU THU NGÂN SÁCH Ở VIỆT NAM ĐẾN NĂM 2030

4.1.1. Bối cảnh kinh tế - xã hội

4.1.1.1. Bối cảnh và tình hình kinh tế thế giới

Một số vấn đề nổi bật của tình hình kinh tế thế giới trong thời gian tới có thể dự báo như sau: tăng trưởng kinh tế chậm lại ở nhiều quốc gia; cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn; các nền kinh tế tiếp tục đẩy mạnh tái cơ cấu, chuyển đổi chiến lược và mô hình tăng trưởng; thói quen mua sắm, tiêu dùng thay đổi từ trực tiếp sang trực tuyến; chủ nghĩa bảo hộ mậu dịch lan rộng; cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 làm thay đổi nền tảng của tăng trưởng và phát triển trên phạm vi toàn cầu; yêu cầu phát triển bền vững được quan tâm và thúc đẩy nhiều hơn.

4.1.1.2. Bối cảnh và tình hình kinh tế - xã hội Việt Nam

Trong giai đoạn 2021 - 2030, chính trị xã hội trong nước mặc dù gặp nhiều thách thức nhưng dưới sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước, chính trị - xã hội trong giai đoạn 2021 – 2030 về cơ bản được dự báo sẽ duy trì được sự ổn định, tạo tiền đề để phát triển kinh tế, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

4.1.2. Những cơ hội, thách thức đối với cơ cấu thu ngân sách ở Việt Nam

4.1.2.1. Cơ hội

Thứ nhất, Việt Nam là quốc gia có nền chính trị ổn định.

Thứ hai, đại dịch dù có tác động tiêu cực nhưng cũng là cơ hội để tái cơ cấu nền kinh tế.

Thứ ba, hệ thống pháp luật ngày càng hoàn thiện, hiệu lực và hiệu quả thực thi luật pháp ngày càng tăng là yếu tố quan trọng góp phần thúc đẩy quá trình hoàn thiện cơ cấu thu NSNN.

Thứ tư, vai trò quan trọng và sự chủ động của Chính phủ trong hoạch định và điều hành chính sách kinh tế có ý nghĩa hết sức quan trọng đối với quá trình hoàn thiện cơ cấu thu NSNN.

Thứ năm, mặc dù bị ảnh hưởng nặng nề của đại dịch, doanh nghiệp Việt Nam vẫn có thể thấy được những cơ hội để phát triển và cải thiện năng lực.

Thứ sáu, yêu cầu phát triển kinh tế xã hội và hội nhập vừa tạo sức ép, vừa là động lực quan trọng góp phần thúc đẩy quá trình tái cơ cấu thu ngân sách.

4.1.2.2. Thách thức

Cơ cấu thu NSNN ở Việt Nam phải đối mặt với những thách thức chủ yếu sau: nền kinh tế Việt Nam phát triển chưa ổn định, bền vững; quá trình hội nhập kinh tế quốc tế diễn ra ngày càng sâu rộng dẫn đến cắt giảm nhiều dòng thuế nhập khẩu; giá dầu thô trên thế giới vẫn diễn biến khó lường, ảnh hưởng lớn đến công tác xây dựng và thực hiện dự toán NSNN hàng năm; tác động bất lợi của đại dịch Covid – 19 gây ảnh hưởng lớn đến kinh tế thế giới và Việt Nam kể từ đầu năm 2020; nhu cầu chi ngân sách và yêu cầu công bằng ngân sách luôn tạo sức ép lớn đối với thu ngân sách, làm giảm tính chủ động, tích cực của quá trình hoàn thiện cơ cấu thu ngân sách vì luôn phải hướng đến mục tiêu tăng thu; nền kinh tế phát triển ở trình độ thấp và đang trong quá trình chuyển đổi nên có ảnh hưởng lớn đến qui mô và cơ cấu hệ thống thu ngân sách,...

4.2. MỤC TIÊU, QUAN ĐIỂM VÀ ĐỊNH HƯỚNG HOÀN THIỆN CƠ CẤU THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐẾN NĂM 2030

4.2.1. Mục tiêu hoàn thiện cơ cấu thu ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2030

Nghị quyết số 23/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội về kế hoạch tài chính quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 đưa ra mục tiêu đối với tổng thu NSNN giai đoạn 2021 – 2025 là 8,3 triệu tỷ đồng; tỷ lệ huy động vào ngân sách nhà nước bình quân không thấp hơn 16% GDP, trong đó từ thuế, phí khoảng 13 - 14% GDP; tỷ trọng thu nội địa bình quân khoảng 85-86% tổng thu ngân sách nhà nước. Quyết định số 368/QĐ-TTg ngày 21/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chiến lược tài chính đến năm 2030 đưa ra mục tiêu tỷ lệ huy động vào ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 - 2030 khoảng 16-17% GDP, trong đó tỷ lệ huy động từ thuế, phí giai đoạn 2026 – 2030 khoảng 14-15% GDP.

Trên cơ sở đó, luận án đề xuất mục tiêu cụ thể về quy mô và cơ cấu thu NSNN giai đoạn 2021 – 2030 như sau: Tỷ lệ đóng góp thu NSNN giai đoạn 2021-2030 phần đầu đạt 16%-18% GDP, thu từ thuế, phí và lệ phí khoảng 15%-16% GDP. Trong đó giai đoạn 2021-2025, tổng thu NSNN phần đầu đạt 16%-17% GDP (từ thuế, phí khoảng 14%-15% GDP); giai đoạn 2026-2030 phần đầu đạt 17%-18% GDP (từ thuế, phí khoảng 15%-16% GDP). Tỷ trọng thu thuế, phí trong tổng thu NSNN đến năm 2025 đạt trên 85%, đến năm 2030 đạt trên 90%. Tỷ trọng thu nội địa trong tổng thu NSNN đến năm 2025 đạt trên 85%, đến 2030 đạt gần 90%; tỷ trọng thu

dầu thô giảm tương ứng còn 1,4% và dưới 1%; tỷ trọng thu cân đối từ hoạt động XNK giảm tương ứng còn khoảng 13% và dưới 11%; Tỷ trọng thu từ ba khu vực kinh tế đạt tối thiểu 60% tổng thu NSNN; Tỷ trọng thu thường xuyên phân đầu đạt trên 95% tổng thu NSNN đến năm 2030.

4.2.2. Quan điểm hoàn thiện cơ cấu thu ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2030

Thứ nhất, cơ cấu thu ngân sách phải phù hợp với điều kiện thực tiễn ở Việt Nam và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững.

Thứ hai, cơ cấu thu NSNN phải hướng đến việc đảm bảo tỷ lệ động viên hợp lý vào NSNN, tránh những ảnh hưởng tiêu cực đến việc phân bổ các nguồn lực trong toàn xã hội.

Thứ ba, cơ cấu thu ngân sách phải đảm bảo tính hiệu quả của cơ cấu động viên nguồn thu.

Thứ tư, cơ cấu thu ngân sách phải đảm bảo phù hợp với tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, phù hợp với thông lệ quốc tế.

Thứ năm, cơ cấu thu ngân sách phải đảm bảo công bằng và an sinh xã hội.

Thứ sáu, cơ cấu thu ngân sách phải đồng bộ với các chính sách kinh tế - xã hội của Nhà nước.

4.2.3. Định hướng hoàn thiện cơ cấu thu ngân sách nhà nước ở Việt Nam

Để thực hiện các mục tiêu theo những quan điểm về hoàn thiện cơ cấu thu NSNN nói trên, việc chuyển dịch cơ cấu thu NSNN theo hướng thu NSNN bền vững cần được thực hiện theo các định hướng cơ bản mang tính nguyên tắc sau:

Một là, hoàn thiện cơ cấu thu ngân sách theo hướng tăng dần tỷ trọng nguồn thu từ thuế, phí và lệ phí từ năng lực sản xuất trong nước, giảm dần sự phụ thuộc vào dầu thô, bán tài sản và viện trợ, mở rộng phạm vi điều tiết của thuế trực thu và tăng tỷ trọng thuế trực thu trong tổng thu NSNN từ thuế, phí để đảm bảo tính công bằng của hệ thống; xây dựng cơ cấu hợp lý giữa các loại thuế trực thu, gián thu và thuế tài sản.

Hai là, đảm bảo tính công bằng và hiệu quả của hệ thống chính sách thu theo hướng mở rộng phạm vi, cơ sở thuế, đối tượng thu, đồng thời duy trì mức thuế suất hợp lý, có tính cạnh tranh; từng bước thu hẹp phạm vi ưu đãi, miễn giảm thuế, xóa bỏ những qui định khác biệt về nghĩa vụ thu nộp giữa các đối tượng, tách dần chính sách xã hội ra khỏi chính sách thu NSNN.

Ba là, đảm bảo tính ổn định tương đối của hệ thống chính sách thuế trong trung và dài hạn, phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội của đất nước trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế.

Bốn là, các chính sách liên quan đến giảm thiểu tác động của các cú sốc kinh tế như đại dịch Covid-19 cần thiết kế hợp lý, đúng trọng tâm, đúng đối tượng và đảm bảo tính công bằng, tiết kiệm nguồn lực, tránh sự lãng phí ngân sách còn hạn hẹp và cần được phân bổ cho nhiều mục tiêu ưu tiên khác của nền kinh tế.

Năm là, tăng cường phân cấp nguồn thu ổn định và chủ động cho ngân sách địa phương để đảm bảo nâng cao tính chủ động và hiệu quả trong công tác hoạch định và điều hành ngân sách địa phương và các chính sách phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn.

Sáu là, tăng cường công tác quản lý thu NSNN kết hợp với chuyển dịch cơ cấu thu ngân sách, cải cách thủ tục hành chính đơn giản, thuận lợi, giảm chi phí tuân thủ thuế, đồng thời chống thất thu NSNN, đảm bảo phát huy hiệu quả thực tế của các chính sách thu ngân sách đối với hoạt động sản xuất xã hội.

Bảy là, cần đẩy mạnh cải cách thuế và cải thiện khung quy định pháp lý hiện hành ở Việt Nam để xóa bỏ các ràng buộc phát triển nền kinh tế số và tạo điều kiện cũng như nắm bắt được những lợi ích từ nền kinh tế số.

4.3. GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CƠ CẤU THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO HƯỚNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC BỀN VỮNG ĐẾN NĂM 2030

4.3.1. Các giải pháp theo phân loại cơ cấu thu ngân sách nhà nước

4.3.1.1. Nhóm giải pháp đối với cơ cấu thu theo nguồn hình thành

- Đẩy mạnh cải cách cơ cấu kinh tế, nâng cao chất lượng tăng trưởng là điều kiện tiên quyết để đạt được mục tiêu tăng quy mô và tỷ trọng thu nội địa, từ đó góp phần tăng sức chống chịu của nền kinh tế, đảm bảo bền vững thu NSNN. Tiến tới xác định số thu nội địa cần loại trừ số thu tiền sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết, thu từ bán tài sản của Nhà nước, để phản ánh chính xác chất lượng và hiệu quả của nền kinh tế. Tăng cường số thu nội địa, nâng tỷ trọng thu nội địa đạt khoảng 85% giai đoạn 2021 – 2025 và khoảng 90% giai đoạn 2026 – 2030 trong tổng thu NSNN để bù đắp cho số thu xuất, nhập khẩu và thu từ dầu thô có xu hướng giảm dần.

- Giảm sự phụ thuộc của ngân sách vào thu từ dầu thô. Khi giá xăng dầu tăng cao, có thể tăng thu cho ngân sách nhưng có nhiều tác động tiêu cực đến nền kinh tế, ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh trong nước. Do đó, trong dài hạn, Việt Nam cần tiếp tục duy trì xu hướng giảm tỷ trọng thu ngân sách từ dầu thô, đồng thời cần phân bổ, sử dụng có hiệu quả nguồn thu từ dầu thô

- Đối với nguồn vay nợ, viện trợ nước ngoài, cần tăng cường trách nhiệm của các cơ quan quản lý, sử dụng vốn, kể cả các đối tác nước ngoài.

- Hạn chế sự phụ thuộc vào các khoản thu không thường xuyên, đặc biệt là thu từ bán tài sản (chủ yếu là đất), đây là nguồn thu rất không bền vững.

- Luôn luôn duy trì một trong những nguyên tắc quan trọng nhất của bền vững NSNN là thu thường xuyên phải lớn hơn chi thường xuyên và góp phần tích lũy ngày càng cao cho chi đầu tư phát triển.

4.3.1.2. Nhóm giải pháp đối với cơ cấu thu theo khu vực kinh tế

(i) Điều chỉnh cơ cấu vốn đầu tư xã hội theo hướng hợp lý, hiệu quả, phù hợp với từng giai đoạn phát triển và bối cảnh cụ thể của nền kinh tế

(ii) rà soát các chính sách ưu đãi, miễn giảm thuế, đảm bảo công bằng giữa các khu vực kinh tế

(iii) Tăng cường các biện pháp hạn chế trốn, tránh thuế trong khu vực doanh nghiệp và cải thiện môi trường kinh doanh

(iv) Hỗ trợ các khu vực kinh tế, các doanh nghiệp đổi mới sáng tạo, hiện đại hoá công nghệ và phát triển nguồn nhân lực, nâng cao năng suất lao động

4.3.1.3. Nhóm giải pháp đối với cơ cấu thu theo nội dung kinh tế

(1) Đối với thuế GTGT

(2) Đối với thuế TNDN

(3) Đối với thuế TTĐB

(4) Đối với thuế TNCN

(5) Đối với thuế xuất, nhập khẩu

(6) Đối với thuế BVMT

(7) Đối với thuế tài nguyên

(8) Đối với các khoản thu liên quan đến tài sản

(9) Đối với các khoản thu từ phí, lệ phí

4.3.2. Các giải pháp về quản lý thu ngân sách nhà nước

Để khắc phục tình trạng thất thu, nợ đọng thuế kéo dài và tích cực mở rộng nguồn thu, các cơ quan quản lý đặc biệt là cơ quan thuế và hải quan cần triển khai quyết liệt các giải pháp thu, kiểm soát chặt chẽ nguồn thu, tăng cường chống thất thu thuế, chống buôn lậu, gian lận thương mại, tích cực thu hồi nợ đọng và khai thác thêm nguồn thu cho ngân sách nhà nước.

4.3.3. Các giải pháp điều kiện

4.3.3.1. Xác định hợp lý tỷ lệ thu NSNN so với GDP

Tỷ lệ động viên NSNN là yếu tố đầu tiên chi phối đến tính bền vững của NSNN, sau đó mới là tỷ trọng cụ thể của từng nhóm khoản thu hoặc từng khoản thu. Trong bối cảnh tình hình kinh tế xã hội đang gặp nhiều khó khăn như hiện nay, Việt Nam nên đặt mục tiêu tỷ lệ động viên ngân sách ở mức 17-19% GDP là khá phù hợp với quy luật quốc tế đối với nhóm quốc gia đang phát triển.

4.3.3.2. Đẩy mạnh cải cách cơ cấu kinh tế làm cơ sở để tái cơ cấu thu ngân sách nhà nước

Để cải cách cơ cấu thu NSNN, cần tập trung vào vấn đề quan trọng là đẩy mạnh cải cách cơ cấu kinh tế, nâng cao chất lượng tăng trưởng. Theo đó, để tái cơ cấu nền kinh tế hiệu quả, nhằm tác động đến nguồn thu NSNN bền vững, cần thực hiện các giải pháp cơ bản sau đây: Cải

cách thể chế để tạo ra môi trường cạnh tranh hơn, sân chơi công bằng hơn, tránh tình trạng độc quyền; Tái phân bổ nguồn lực, chuyển dịch lao động dư thừa sang các khu vực có năng suất cao hơn; Cải thiện và thúc đẩy tăng năng suất lao động là một trong những vấn đề cốt lõi đối với nền kinh tế Việt Nam; Phát triển khu vực tư nhân để trở thành cốt lõi của nền kinh tế...

4.3.3.3. Cơ cấu lại chi NSNN, xác định nhu cầu chi ngân sách phù hợp với khả năng thu ngân sách

Chi NSNN và cơ cấu chi NSNN cũng có tác động trực tiếp đến tính bền vững của NSNN. Chính phủ có thể sử dụng các chính sách chi NSNN nhằm tác động đến cơ cấu thu NSNN. Những lĩnh vực, ngành kinh tế hoạt động hiệu quả cần được tăng chi ngân sách, qua đó mang lại số thu NSNN tối ưu. Cơ cấu lại chi NSNN hợp lý sẽ góp phần cơ cấu lại thu NSNN bền vững hơn. Chi NSNN phải gắn với các định hướng ưu tiên chính sách phát triển của đất nước kết hợp với việc coi trọng tính kỷ cương, kỷ luật trong việc thực hiện các nhiệm vụ chi NSNN.

KẾT LUẬN

Cơ cấu thu ngân sách theo hướng thu NSNN bền vững là vấn đề thu hút được nhiều sự quan tâm cả ở trong và ngoài nước bởi vai trò quan trọng của nó trong ổn định kinh tế vĩ mô và quá trình phát triển kinh tế - xã hội của mỗi quốc gia. Thu NSNN có ảnh hưởng sâu rộng tới mọi mặt của nền kinh tế và có tác động tới hầu hết các chủ thể trong mọi mối quan hệ kinh tế xã hội. Đồng thời, thu NSNN và cơ cấu thu ngân sách cũng chịu ảnh hưởng từ nhiều nhân tố khách quan và chủ quan. Trong bối cảnh kinh tế thế giới và Việt Nam đang biến động không ngừng với những thách thức và cơ hội mới, việc nghiên cứu, hoàn thiện những cơ sở lý luận và thực tiễn về cơ cấu thu ngân sách theo hướng thu NSNN bền vững có ý nghĩa hết sức quan trọng.

Trên cơ sở kế thừa kết quả của các nghiên cứu trước, luận án đã tiếp tục làm rõ và sâu sắc hơn các khía cạnh của cơ cấu thu ngân sách, đặc biệt là cơ cấu những khoản thu có vai trò quan trọng trong hệ thống thu NSNN; bổ sung và hoàn thiện các chỉ tiêu đánh giá cơ cấu thu NSNN theo hướng thu NSNN bền vững; nghiên cứu kinh nghiệm thiết lập cơ cấu thu của các quốc gia trên thế giới trong bối cảnh mới và những kinh nghiệm điều chỉnh chính sách nhằm đối phó với đại dịch Covid-19, từ đó rút ra những bài học và giải pháp cho Việt Nam trong ngắn hạn và dài hạn để nền kinh tế ứng phó với suy thoái và nhanh chóng phục hồi khi dịch bệnh được kiểm soát.

Luận án cũng đã phân tích khái quát tình hình kinh tế - xã hội và thu NSNN ở Việt Nam giai đoạn 2011 – 2020 và phân tích chi tiết thực trạng cơ cấu thu NSNN theo nguồn hình thành, cơ cấu thu NSNN theo khu vực kinh tế, cơ cấu thu NSNN theo nội dung kinh tế. Trong đó, luận án đã xây dựng mô hình nghiên cứu để phân tích định lượng tác động của các nhân tố chính

ảnh hưởng tới cơ cấu thu nội địa, bao gồm GDP bình quân đầu người, các yếu tố đầu vào của nền kinh tế bao gồm vốn đầu tư và lao động, cơ cấu ngành kinh tế theo lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ. Từ đó chỉ ra các tác động tích cực hay tiêu cực của các nhân tố này tới cơ cấu thu nội địa. Đồng thời, từ kết quả nghiên cứu về các yếu tố ảnh hưởng tới cơ cấu thu nội địa, nhận định vốn là đầu vào quan trọng nhất trong phát triển kinh tế tại Việt Nam, luận án đã xây dựng mô hình nghiên cứu nhằm phân tích định lượng ảnh hưởng của cơ cấu vốn đầu tư tới tỷ trọng thu ngân sách từ các khu vực kinh tế. Luận án cũng đã phân tích chi tiết cơ cấu thu các loại thuế trực thu chủ yếu (bao gồm thuế TNDN và thuế TNCN), các loại thuế gián thu chủ yếu (bao gồm thuế GTGT, thuế TTĐB hàng sản xuất trong nước, thuế XK, NK, TTĐB và BVMT hàng nhập khẩu, thuế BVMT, thuế tài nguyên) và các khoản thu liên quan đến tài sản. Từ đó, luận án đã đánh giá những kết quả đạt được, những tồn tại hạn chế của cơ cấu thu ngân sách theo hướng thu NSNN bền vững và nguyên nhân của những hạn chế đó.

Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực trạng cơ cấu thu ngân sách tại Việt Nam, luận án đã đề xuất ba nhóm giải pháp nhằm hoàn thiện cơ cấu thu ngân sách theo hướng thu NSNN bền vững tại Việt Nam, bao gồm nhóm các giải pháp theo phân loại cơ cấu thu NSNN, các giải pháp tăng cường hiệu quả quản lý thu NSNN và một số giải pháp điều kiện.

Trong quá trình nghiên cứu, NCS đã có nhiều cố gắng trong việc tìm kiếm, thu thập, tổng hợp các nguồn tài liệu cả lý thuyết và thực tiễn để hoàn thành bản luận án này. Tuy nhiên, đây là chủ đề lớn, phạm vi rộng, không chỉ liên quan đến các vấn đề kinh tế, tài chính, NSNN, mà còn liên quan đến hệ thống chính sách phát triển KT-XH của đất nước. Do vậy, luận án không thể tránh khỏi còn có những hạn chế, khiếm khuyết. Nghiên cứu sinh mong nhận được các ý kiến đóng góp của các thầy cô giáo, các Nhà khoa học, Nhà quản lý để chủ đề này tiếp tục được phát triển và hoàn thiện hơn./.

**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU CỦA TÁC GIẢ
ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN**

1. Vương Thị Thu Hiền, Vũ Thị Tâm Thu (2020), *Đổi mới cơ cấu thu ngân sách nhà nước ở Việt Nam theo hướng bền vững*, Tạp chí Tài chính, Kỳ 1+2 – Tháng 1/2020 (720+721), trang 38-45, ISSN: 2615-8973.
2. Vũ Thị Tâm Thu (2021), *Đánh giá cơ cấu thu ngân sách nhà nước ở Việt Nam giai đoạn 2016 – 2020 và một số đề xuất khuyến nghị*, Tạp chí Nghiên cứu Khoa học Kiểm toán, số 166 – 8/2021, trang 16-22, ISSN 1859-1671.
3. Vũ Thị Tâm Thu (2021), *Solutions for adjusting the structures of state budget revenue by economic sector to improve the sustainability of state budget revenue in Vietnam*, International Conference: Sustainable economic development and business management in the context of globalization (SEDBM 4), Học viện Tài chính, trang 716-727, ISBN: 978-604-79-2912-2.